BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Giáo dục Mầm non **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Cao đẳng **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**29**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trong năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		4
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		5
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		5
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		5
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		5
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		5
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		5
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		5
V. Đại cương chung			**15**						
14	GE4038A	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1	2	30					1
15	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
16	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	20	20				2
17	GE4038B	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2	3	45			GE4038A		2
18	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4038B		3
19	GE4011	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	45			GE4056		3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**70**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
20	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
21	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					1
22	GE4072N	Tâm lý học mầm non	2	30			GE4045		2
23	GE4074N	Giáo dục học Mầm non	2	30			GE4017		2
24	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					4
II. Kiến thức cơ sở ngành			**14**						
25	KI4221N	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non	2	30					1
26	KI4220	Lý thuyết âm nhạc sơ giản mầm non	2	15	30				1
27	KI4219	Mỹ thuật mầm non	2	15	30				1
28	KI4117N	Tiếng Việt	2	30					2
29	KI4121	Văn học trẻ em	2	30					2
30	KI4222	Cơ sở toán mầm non	2	30					3
31	KI4224N	Vệ sinh - Phòng bệnh cho trẻ mầm non	2	15	30		KI4221N		5
III. Kiến thức chuyên ngành			**31**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**29**						
32	KI4238N	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	15	30		GE4072N GE4074N		2
33	KI4226	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	30	30		KI4221N		4
34	KI4264	Thiết kế đồ chơi và môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	2	15	30		KI4219		3
35	KI4225	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30			GE4072N GE4074N		3
36	KI4241	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non	3	45					3
37	KI4229N	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	3	45			KI4117N		4
38	KI4233N	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	2	15	30				3

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
39	KI4228	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán	3	45			KI4222		4
40	KI4266	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	2	15	30		KI4220		4
41	KI4265	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non	2	15	30		KI4121		3
42	KI4232N	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	30	30		KI4219		4
43	KI4256	Tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ mầm non	2	15	30		GE4072N GE4074N		5
3.2. Kiến thức bổ trợ tự chọn			**2**						5
44	KI4161	Can thiệp sớm cho trẻ mầm non	2	30					5
45	KI4177	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	2	15	30				5
46	KI4252	Dạy học mầm non theo bối cảnh địa phương	2	30					5
47	KI4248	Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non	2	15	30				5
48	KI4305	Phát triển năng lực phối hợp gia đình, nhà trường và cộng đồng trong giáo dục mầm non	2	15	30				5
49	KI4101	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	2	15	30				5
IV. Khối kiến thức nghiệp vụ Sư phạm			**15**						
50	KI4401P	Rèn luyện NVSPTX 1 (Đọc, kể, nói, viết)	1		30				1
51	KI4402N	Rèn luyện NVSPTX 2 (Hát, Múa)	1		30		KI4233N KI4266		5
52	KI4403	Rèn luyện NVSPTX 3 (Phát triển nhận thức)	1		30		KI4241 KI4228		5
53	KI4404	Rèn luyện NVSPTX 4 (Phát triển thẩm mỹ)	1		30		KI4266 KI4232N		5
54	KI4405	Rèn luyện NVSPTX 5 (Phát triển ngôn ngữ)	1		30		KI4229N KI4265		5
55	KI4406	Rèn luyện NVSPTX 6 (Phát triển thể chất)	1		30		KI4226		5
56	KI4491N	Kiến tập sư phạm	3		90		KI4401P KI4402N KI4403 KI4404 KI4405 KI4406		5
57	KI4407N	Thực tập tốt nghiệp	6		180		KI4491N		6
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**99**	**1058**	**1262**				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			85						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			97						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			2						